



## DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

### LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG  
ngày tháng 08 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/  
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa Vi sinh và Sinh học phân tử**  
*Medical Laboratory: Department of Biochemistry*

Cơ quan chủ quản: **Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương**  
*Organization: National Hospital of Tropical Disease*

Lĩnh vực xét nghiệm: **Vi sinh**  
*Field of medical testing: Microbiology*

Người phụ trách/ **Văn Đình Tráng**  
*Representative: Van Dinh Trang*

Số hiệu/ Code: **VILAS Med 030**

Hiệu lực/ Validation: từ ngày /8/2025 đến ngày 15/3/2027

Địa chỉ/ Address: **Thôn Bàu, Xã Thiên Lộc, Thành phố Hà Nội**  
*Bau Village, Thien Loc Commune, Hanoi City*

Địa điểm/Location: **Thôn Bàu, Xã Thiên Lộc, Thành phố Hà Nội**  
*Bau Village, Thien Loc Commune, Hanoi City*

Điện thoại/ Tel: **024.6688.5831**

Email: **vandinhtrang.nhtd@gmail.com**

Website: **www.benhnhietdoi.vn**

# DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

**VILAS Med 030**

Lĩnh vực xét nghiệm: Vi sinh

Discipline of medical testing: Biochemistry

| STT<br>No. | Loại mẫu<br>(chất chống đông)<br><i>Type of sample<br/>anticoagulant (if any)</i>                                                          | Tên các chỉ tiêu xét nghiệm<br><i>The name of medical tests</i>                                                                                                                                                                                 | Nguyên lý/ Kỹ thuật<br>xét nghiệm<br><i>Principle/ Technical test</i>                                                                                                             | Phương pháp xét<br>nghiệm<br><i>Test method</i> |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| 1.         | <b>Máu toàn phần<br/>(EDTA)<br/>Whole blood<br/>(EDTA)</b>                                                                                 | HBV đo tải lượng hệ thống tự<br>động<br><i>HBV quantification on<br/>automated</i>                                                                                                                                                              | Realtime PCR<br><i>Realtime PCR</i>                                                                                                                                               | QTKT-PT-03 (2024)                               |
| 2.         | <b>Dịch não tủy<br/>Cerebrospinal fluid</b>                                                                                                | Nuôi cấy, phân lập, định danh<br>vi khuẩn và xác định mức độ<br>nhạy cảm của vi khuẩn với<br>kháng sinh<br><i>Culture, isolation, identification<br/>and antimicrobial susceptibility<br/>testing of bacteria</i>                               | Nuôi cấy, phân lập,<br>định danh<br><i>Culture, isolation,<br/>identification</i>                                                                                                 | QTKT-VK-16<br>(2021)                            |
| 3.         | <b>Khuẩn lạc (phân<br/>lập từ máu, nước<br/>tiểu, dịch não tủy)<br/>Colonies (isolated<br/>from Blood, urine,<br/>Cerebrospinal fluid)</b> | Nuôi cấy, phân lập, định danh<br>Vitek 2<br><i>Culture, isolation, identification<br/>The Vitek 2- compact system</i>                                                                                                                           | Nuôi cấy, phân lập và<br>định danh<br><i>Culture, isolation,<br/>identification</i>                                                                                               | QTKT-TCKKS-030<br>(2021)<br>(VITEK2)            |
| 4.         |                                                                                                                                            | Nuôi cấy, phân lập, xác định<br>mức độ nhạy cảm của vi khuẩn<br>với kháng sinh bằng máy Vitek<br>2- compact<br><i>Culture, isolation and<br/>antimicrobial suscepti bility<br/>testing of bacteria by using the<br/>Vitek 2-compact system.</i> | Nuôi cấy, phân lập và<br>xác định mức độ<br>nhạy cảm của vi<br>khuẩn với kháng sinh<br><i>Culture, isolation and<br/>antimicrobial<br/>susceptibility testing<br/>of bacteria</i> | QTKT-TCKKS-043<br>(2021)<br>(VITEK 2 – compact) |

**DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN**

*LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS*

**VILAS Med 030**

| STT<br>No. | Loại mẫu<br>(chất chống đông)<br><i>Type of sample<br/>anticoagulant (if any)</i>                                                                    | Tên các chỉ tiêu xét nghiệm<br><i>The name of medical tests</i>                                                                                                                                                                                     | Nguyên lý/ Kỹ thuật<br>xét nghiệm<br><i>Principle/ Technical test</i>                                                                                                               | Phương pháp xét<br>nghiệm<br><i>Test method</i>   |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 5.         | <b>Khuẩn lạc (phân<br/>lập từ máu, nước<br/>tiểu, dịch não tủy)</b><br><br><i>Colonies (isolated<br/>from Blood, urine,<br/>Cerebrospinal fluid)</i> | Nuôi cấy, phân lập, xác định<br>mức độ nhạy cảm của vi khuẩn<br>với kháng sinh<br>Kỹ thuật khoan giấy khuếch<br>tán<br><br><i>Culture, isolation and<br/>antimicrobia susceptibility<br/>testing of bacteria<br/><br/>The disk diffusion method</i> | Kỹ thuật khoan giấy<br>khuếch tán<br><br><i>The disk diffusion<br/>method</i>                                                                                                       | QTKT-TCKKS-041<br><br>(2021)                      |
| 6.         |                                                                                                                                                      | Nuôi cấy, phân lập, xác định<br>mức độ nhạy cảm của vi khuẩn<br>với kháng sinh<br>Kỹ thuật E- test<br><br><i>Culture, isolation and<br/>antimicrobial susceptibility<br/>testing of bacteria<br/><br/>The E-test method</i>                         | Kỹ thuật E-test<br><br><i>The E- test method</i>                                                                                                                                    | QTKT-TCKKS-042<br><br>(2021)                      |
| 7.         |                                                                                                                                                      | Xác định các gen sinh enzyme<br>carbapenemase ở vi khuẩn<br>Phương pháp PCR đa môi<br><br><i>Detection of carbapenemase<br/>genes in bacteria<br/><br/>The multiplex PCR</i>                                                                        | PCR đa môi xác định<br>các gen mã hóa<br>enzyme<br>carbapenemase ở vi<br>khuẩn<br><br><i>Multiplex PCR to<br/>detect genes<br/>mediating for<br/>carbapenemase in<br/>bacteria.</i> | QTKT-TCKKS-<br>051 (2021)                         |
| 8.         |                                                                                                                                                      | Nuôi cấy, phân lập, định danh<br>Sử dụng Maldi biotyper<br><br><i>Culture, isolation, identification<br/>The Maldi biotyper system</i>                                                                                                              | Nuôi cấy, phân lập và<br>định danh vi khuẩn<br><br><i>Culture, isolation,<br/>identification of<br/>bacteria</i>                                                                    | QTKT-TCKKS-<br>029 (2021)<br><br>(Maldi biotyper) |

# DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

## LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

### VILAS Med 030

| STT<br>No. | Loại mẫu<br>(chất chống đông)<br><i>Type of sample<br/>anticoagulant (if any)</i> | Tên các chỉ tiêu xét nghiệm<br><i>The name of medical tests</i> | Nguyên lý/ Kỹ thuật<br>xét nghiệm<br><i>Principle/ Technical test</i>                | Phương pháp xét<br>nghiệm<br><i>Test method</i> |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| 9          | <b>Huyết thanh</b><br><i>Serum</i>                                                | HCV Ab định tính<br><i>Qualitative of HCV</i>                   | Miễn dịch điện hóa<br>quang<br><i>Electro-Chemi<br/>Luminescence<br/>ImmunoAssay</i> | QTKT-MD-40<br>(2022)<br>(COBAS 6000)            |
| 10         |                                                                                   | HBsAg định tính<br><i>Qualitative of HBsAg</i>                  |                                                                                      | QTKT-MD-42<br>(2022)<br>(COBAS 6000)            |
| 11         | <b>Máu</b><br><i>Blood</i>                                                        | Cấy máu<br><i>Blood culture</i>                                 | Nuôi cấy, phân lập<br>và định danh<br><i>Culture, isolation,<br/>identification</i>  | QTKT-VK-10<br>(2021)<br>QTKT-VK-12<br>(2021)    |

#### Ghi chú/ Note:

- QTKT-VK.....: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp Khoa Vi sinh và Sinh học phân tử, Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Department of Biochemistry, National Hospital of Tropical Disease that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*